

Bản án số: 64/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/12/2024

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Cẩm Tú

2. Bà Hà Thị Lệ Thi

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Quách Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không tham gia.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 202/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXX-TA ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê H, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị Lê Ánh T, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện U, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 14/8/2024 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Lê H trình bày:

Tôi và chị Lê Ánh T do có người mai mối, được gia đình hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2021, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống rất hạnh phúc được thời gian đầu, đến tháng 5 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau.

Nay tôi thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Chúng tôi không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai.

Tại bản tự khai ngày 06/11/2024, biên bản hoà giải ngày 06/11/2024 bị đơn chị Lê Ánh T có ý kiến trình bày:

Tôi và anh H do có người mai mối, được gia đình hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2021, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống rất hạnh phúc được thời gian đầu, đến tháng 5 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau.

Nay anh H yêu cầu ly hôn, tôi đồng ý.

Về con chung: Chúng tôi chưa có con chung.

Về tài sản, nợ: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền*: Tranh chấp giữa nguyên đơn anh Lê H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn chị Lê Ánh T. Đây là tranh chấp việc ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. *Về hôn nhân*: Anh Lê H và chị Lê Ánh T do có người mai mối, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2021, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên về mặt pháp lý anh H và chị T không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê H và chị Lê Ánh T theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng anh H và chị T chưa có con chung.

[4]. *Về tài sản chung*: Anh H, chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm xin ly hôn*: Căn cứ vào Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí

Tòa án thì anh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ án phí tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000709 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Anh H, chị T không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ giữa anh Lê H với chị Lê Ánh T là vợ chồng.

2. *Về con chung:* Vợ chồng anh H và chị T chưa có con chung.

3. *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung, nợ:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Căn cứ vào Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì anh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí: 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000709 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Anh H, chị T không phải nộp thêm.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;

- Viện kiểm sát N1;

- Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;

- Các đương sự;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: Hồ sơ.

Nguyễn Tấn Lợi

